

Bản án số: 838/2024/HS-PT
Ngày: 10/10/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hoa;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng;

Ông Ngô Quang Dũng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Đức Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2024, tại Điểm cầu trung tâm - Phòng xét xử trực tuyến trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Điểm cầu thành phần - Phòng xét xử trực tuyến trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm trực tuyến, công khai vụ án Hình sự thụ lý số 625/2024/TLPT- HS, ngày 21 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Văn Huy T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 44/2024/HS-ST ngày 22/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

*** Bị cáo bị kháng nghị:**

1. Họ và tên: Văn Huy T; sinh ngày: 25/05/1989, tại tỉnh Quảng Ninh; nơi ĐKNKTT: tập thể in may Bộ C3, V, quận H, thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: tổ C khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; giới tính: nam; nghề nghiệp: nguyên cán bộ Công an xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; trình độ học vấn: 12/12; con ông Văn Huy T1 và bà Trần Thị Ánh T2 (đã chết); vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang bỏ trốn; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đã ra Quyết định truy nã; vắng mặt.

2. Họ và tên: Dương Chung T3; sinh ngày 08/8/1986, tại Lạng Sơn; nơi cư trú: thôn B, xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 1/12; con ông Dương Dì H (đã chết) và bà Đặng Thị T4 (đã chết); có vợ là Nguyễn Ngọc L và có 03 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt.

Bị cáo không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án không triệu tập: Trạc Văn L1; sinh ngày 20/6/1993 tại tỉnh Quảng Ninh; nơi ĐKNKTT: thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trạc Văn L1 là đối tượng đang thi hành án hình sự tại cộng đồng, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử tuyên phạt mức án 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng, giao UBND xã Đ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Còn Văn Huy T là Công an viên được Công an xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh giao nhiệm vụ quản lý, giám sát, giáo dục đối với Trạc Văn L1 theo quy định của pháp luật.

Tháng 7/2022, Lưu gặp Dương Chung T3 tại khoảnh rừng keo do T3 mua tại thôn B, xã Đ, huyện B, được T3 cho biết đã mua 0,5ha rừng thông thuộc dự án của Nhà nước tại thôn B, xã Đ, diện tích này nằm xen kẽ trong khu rừng sản xuất 02 ha do T3 thuê trước đó. L1 cũng nói với T3 về việc: trước đây L1 có mua của anh Hoàng Văn C khoảnh rừng thông khoảng 3.000m² do UBND xã Đ gần khu vực rừng mà T3 đã mua. L1 dẫn T3 đến khu rừng thông do L1 đã mua thuộc lô 12, khoảnh 21, tiểu khu A tại địa chỉ: thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. T3 và L1 thống nhất sẽ tìm cách khai thác số gỗ thông tại khu vực do T3 và L1 mua, T3 sẽ bỏ tiền chi phí lo khai thác, Lưu chịu trách nhiệm tìm thuê công nhân chặt hạ thông và thuê xe vận chuyển thông đi tiêu thụ, số tiền thu được trừ hết chi phí còn lại chia đôi.

Đầu tháng 9/2022, L1 đến Công an xã Đ gặp Văn Huy T để kiểm danh theo quy định. Lúc này, L1 cho T biết có khoảnh rừng thông ở B do UBND xã Đ, muốn khai thác. Thấy vậy, T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của L1. T biết rõ rừng thông do UBND xã quản lý thì không được phép khai thác, tuy nhiên T vẫn hứa hẹn với L1 về việc nhờ Phan Thế T5 (Kiểm lâm viên Hạt Kiểm lâm huyện B được giao phụ trách địa bàn thôn B) làm thủ tục để L1 được khai thác. Sau đó, L1 gặp T3 bàn bạc thống nhất chi 50.000.000 đồng cho T để T giúp được khai thác thông tại 2 vị trí mà L1 và T3 đã bàn nhau khai thác trước đó. L1 và T3 biết rõ khu vực rừng thôn B thuộc rừng do Ủy ban nhân dân xã Q không được phép khai thác. Cả hai thống nhất khai thác gỗ thông tại khoảnh rừng của L1 trước, sau đó khai thác gỗ thông tại khoảnh rừng của T3 sau (vì đường vào khoảnh rừng thông của T3 đi lại khó khăn).

Khoảng 18h ngày 13/9/2022, L1, T3 và T gặp nhau tại quán nước “Tài Cảnh” gần Công an xã Đ. T3 nói với T: *“chỗ của em có khoảng chục xe, chỗ của L1 có khoảng 5 xe, anh tính xem hết bao nhiêu tiền để làm thủ tục được khai thác”,* T nói *“hết 50.000.000 đồng sẽ lo từ công an đến kiểm lâm”,* T3 đưa T nhận trước 20.000.000 đồng. T nhận tiền và điện thoại cho Phan Thế T5 hẹn gặp. Khoảng 19h cùng ngày, T, T3 và T5 cùng nhau ăn tối tại quán "" gần chợ K, xã Đ. T3 trao đổi với T5: *T3 có mua 01 khoảnh rừng tại khu V, thôn B và để*

ngợi hướng dẫn làm thủ tục khai thác, vận chuyển, T5 đồng ý nói: *Hôm nào bố trí được thì vào kiểm tra*. Trong quá trình tiếp xúc, T5 được nhận số tiền 5.000.000đồng có nguồn gốc từ số tiền 20.000.000đồng do T3 đưa cho T.

Ngày 20/9/2022, T gọi điện yêu cầu T3 chuyển tiếp 30.000.000 đồng còn lại cho T. T3 nhờ vợ là chị Nguyễn Ngọc L chuyển khoản 20.000.000 đồng; T3 cũng nhờ chị Phạm Thị U (vợ anh Vũ Ngọc H1 - chủ xưởng gỗ H5 tại địa chỉ: xã D, huyện S, tỉnh Bắc Giang) chuyển khoản 10 triệu đồng cho T. Tổng số tiền T đã nhận của T3 là 50.000.000 đồng. Số tiền có được T sử dụng hết cho mục đích cá nhân.

Để thực hiện việc khai thác thông trái phép, Trạc Văn L1 nhờ Đặng Văn V (trú tại: thôn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh) là lái xe thuê cho Khúc Văn C1 (trú tại: thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ninh) tìm thuê được 08 công nhân gồm: Đặng Văn H2, Hoàng Xuân B, Bàn Hữu T6, Triệu Kim H3, Triệu Văn M, Triệu Quý T7, Đặng Dẫu T8 và Bàn Dương T9 (đều cư trú tại: thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ninh) để thực hiện việc chặt hạ cây thông, lấy gỗ tại khoảnh rừng với tiền công khai thác là 230.000đồng/tấn gỗ; L1 cũng thỏa thuận với V thuê phương tiện vận chuyển của Khúc Văn C1 với giá cước vận chuyển là 200.000đồng/tấn gỗ.

Trong các ngày 23, 26, 27/9/2022, dưới sự chỉ đạo của Trạc Văn L1; Đặng Văn H2, Bàn Hữu T6 và Hoàng Xuân B thay nhau sử dụng 01 cưa máy để cắt đổ cây thông, sau đó cắt bỏ cành và cắt cây thành từng lóng, mỗi lóng có độ dài khoảng 01 m; số công nhân còn lại gồm Triệu Kim H3, Triệu Văn M, Triệu Quý T7, Đặng Dẫu T8 và Bàn Dương T9 sử dụng dao để dọn cây tạp, tập kết số gỗ thông cưa được, đưa lên xe ô tô biển kiểm soát 98C- 067.27 do Đặng Văn V điều khiển và vận chuyển sang huyện S, tỉnh Bắc Giang. Trong những ngày khai thác, L1 và T3 cùng thống nhất bán cho anh Vũ Ngọc H1 (chủ xưởng gỗ H), Lưu vào khu vực khai thác để chỉ đạo nhóm công nhân, T3 đứng ngoài đường để cảnh giới. Theo chỉ đạo của L1, ngày 23/9/2022, V chở 02 xe gỗ có khối lượng 17,580 m³; ngày 26/9/2022, V chở 01 xe gỗ có khối lượng 8,830 m³ và bán trót lọt cho Chủ xưởng gỗ H5 với giá 1.180.000đồng/tấn, tổng số 26,410m³ gỗ thông được bán với giá 31.140.000đồng. Đến 13 giờ 30 phút, ngày 27/9/2022, khi xe chở gỗ do V điều khiển đến khu vực thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ninh, thì bị Công an huyện B, tỉnh Quảng Ninh phát hiện thu giữ 8,531m³ gỗ thông vừa khai thác và xe ô tô tải biển kiểm soát 98C- 067.27.

- Tại buổi làm việc khám nghiệm hiện trường hồi 8 giờ ngày 05/10/2022 do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B tiến hành. Căn cứ chỉ dẫn của Trạc Văn L1 và Khúc Văn C1, Đoàn khám nghiệm đã xác định có 02 hiện trường khai thác. Biên bản khám nghiệm hiện trường thể hiện:

+ Hiện trường chính được L1 thừa nhận khai thác có diện tích rừng bị chặt hạ là 0,31ha, được giới hạn bởi các tọa độ 1,2,3,4,5,6,7,8,9 về 1; tổng số gốc cây thông bị chặt hạ là 179 gốc; tại hiện trường còn sót lại 322 lóng gỗ thông với tổng khối lượng gỗ là 7,018 m³.

+ Mở rộng hiện trường chính, cơ quan chức năng phát hiện ở vị trí liền kề cũng thuộc lô 12, khoảnh 21, tiểu khu A bị khai thác gỗ, nhưng chưa xác định được đối tượng, kết quả khám nghiệm hiện trường mở rộng hồi 10h35 phút cùng ngày thể hiện: diện tích rừng bị chặt hạ là 1,51ha, được giới hạn bởi các tọa độ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29 về 1; tổng số gốc cây gỗ thông bị chặt hạ là 646 gốc; tổng số gốc cây gỗ tạp bị chặt hạ là 57 gốc; tại hiện trường còn sót lại 2795 lóng gỗ thông với tổng khối lượng là 60,553 m³, sót lại 241 lóng gỗ tạp với tổng khối lượng là 5,954m³;

Tại Bản Kết luận giám định tài sản số 33 ngày 27 tháng 3 năm 2023 của V1 kết luận: diện tích gỗ bị khai thác tại 2 vị trí nêu trên thuộc quy hoạch là rừng sản xuất; tổng trữ lượng gỗ bị khai thác tại diện tích 0,31ha là 38,417 m³; tổng trữ lượng gỗ bị khai thác tại diện tích 1,51ha là 134,691m³; trong số cây chặt hạ tại 2 vị trí bị khai thác không có cây nào thuộc danh mục thực vật rừng nguy cấp quý hiếm;

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 07 ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B, kết luận: Giá trị thiệt hại đối với diện tích 0,31ha bị khai thác tại thời điểm định giá tháng 9/2022 có giá trị là 77.226.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng); Giá trị thiệt hại đối với diện tích 1,51ha tại thời điểm định giá tháng 9/2022 có giá trị là 376.161.000đ (Ba trăm bảy mươi sáu triệu một trăm sáu mươi một nghìn đồng);

Vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ: 8,531 m³ gỗ thông và 01 xe ô tô tải biển kiểm soát 98C- 067.27; 20,309 m³ gỗ thông thu giữ tại xưởng H5; 7,018m³ gỗ thông thu giữ tại hiện trường chính; 60,553 m³ gỗ thông và 5,954 m³ gỗ tạp thu giữ tại hiện trường mở rộng, hiện tạm giao cho UBND xã Đạp Thanh quản lý toàn bộ; ngày 29/9/2022, Khúc Văn C1 giao nộp 01 máy cưa nhãn hiệu FUJIKAWA 5200 đã qua sử dụng; ngày 21/10/2022, Trạc Văn L1 đã giao nộp 01 điện thoại di động hiệu OPPO A53, màu đen đã qua sử dụng; ngày 14/11/2023, Triệu Quý T7 đã giao nộp 04 con dao đã qua sử dụng; ngày 27/9/2023, Phan Thế T5 đã giao nộp số tiền 5.000.000 đồng. Hiện Cơ quan điều tra Công an huyện B đã trả lại cho chủ sở hữu anh Khúc Văn C1 chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 98C- 067.27.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 44/2024/HS-ST ngày 22/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, quyết định:

Tuyên bố: bị cáo Văn Huy T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; các bị cáo Trạc Văn L1 và Dương Chung T3 phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

Căn cứ vào điểm c, đ khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Văn Huy T 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 232; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trạc Văn L1 15 (Mười lăm) tháng tù, tổng hợp hình phạt này với hình phạt 07 (Bảy) tháng tù tại Bản án số 126/2021/HS-PT ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Buộc bị cáo Trạc Văn L1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 22 (Hai mươi hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/8/2023 nhưng được trừ đi những ngày đã bị bắt tạm giam trong vụ án trước (từ ngày 16/4/2021 đến ngày 14/7/2021).

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 232; Điều 17; điểm b,i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Dương Chung T3 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Dương Chung T3 cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

Căn cứ vào điểm a,b khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a,b,c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Dương Chung T3 số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), theo Giấy nộp tiền mặt ngày 27/11/2023 vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ninh, người nộp Ngô Quốc T10.

- Buộc bị cáo Văn H4 T phải trả lại số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) cho bị cáo Dương Chung T3 và vợ là chị Nguyễn Ngọc L.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quyết định kháng nghị số 1268/QĐ-VKSQN ngày 05/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh kháng nghị bản án sơ thẩm về phần vật chứng, đề nghị buộc Văn Huy T nộp lại số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) để tịch thu sung ngân sách nhà nước và tịch thu sung ngân sách nhà nước 5.000.000đ (Năm triệu đồng) do Phan Thế T5 tự nguyện nộp lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Văn Huy T, Dương C2 Thanh vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phát biểu quan điểm: Giữ nguyên quyết định kháng nghị số 1268/QĐ-VKSQN, ngày 05/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận quyết định kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định kháng nghị số 1268/QĐ-VKSQN, ngày 05/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh về nội dung và hình thức phù hợp, trong thời hạn theo quy định tại các điều 336, 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Xét Quyết định kháng nghị số 1268, ngày 05/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Hội đồng xét xử thấy:

Quyết định kháng nghị cho rằng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và Biên bản phiên tòa sơ thẩm thể hiện các bị cáo Dương Chung T3 và Trạc Văn L1 đưa 50.000.000đ cho Văn Huy T nhằm mục đích trái pháp luật, đó là để được khai thác rừng thông trái phép, đây là hành vi bị pháp luật cấm. Các bị cáo đều hiểu rõ loại rừng này là rừng thuộc Dự án do UBND xã Đ, các cá nhân không được phép khai thác. Do đó, không có căn cứ để tuyên trả lại bị cáo Dương Chung T3 số tiền nêu trên, mà phải bị tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Bản án sơ thẩm nhận định, theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự thì vật, tiền, công cụ dùng vào việc phạm tội hay do phạm tội mà có thì sẽ bị tịch thu sung ngân sách nhà nước. Trong vụ án này bị cáo T3 không dùng 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để thực hiện hành vi phạm tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản. Đồng thời không có tài liệu của cơ quan có thẩm quyền nào kết luận Dương Chung T3 dùng 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) vào việc vi phạm pháp luật, số tiền này liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo Văn Huy T (mà bị cáo T3 là bị hại), nên căn cứ theo khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự phải được trả lại cho Dương Chung T3 số tiền 50.000.000đ,

Xét thấy, bị cáo Văn Huy T gian dối hứa hẹn sẽ can thiệp với cơ quan chức năng để Trạc Văn L1 và Dương Chung T3 được khai thác thông và Dương Chung T3 đã chuyển cho T 50.000.000đ, nhưng T không phải là người có thẩm quyền cho phép T3 khai thác thông, mà T chiếm đoạt số tiền này bằng hành vi gian dối và dùng hết cho mục đích cá nhân. Bị cáo T đã bị xét xử về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 50.000.000đ là T chiếm đoạt của T3. Dương Chung T3 tại cấp sơ thẩm yêu cầu được trả lại tiền. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự thì T phải trả lại T3 tiền đã chiếm đoạt. Như vậy, nhận định và quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với quy định, cần được giữ nguyên. Quyết định kháng nghị số 1268/QĐ-VKSQN, ngày 05/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh không có căn cứ chấp nhận.

4. Về án phí: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1.1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 1268/QĐ-VKSQN ngày 05/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh; Giữ nguyên Bản án Hình sự sơ thẩm số 44/2024/HS-ST ngày 22/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;

Áp dụng: khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự

Trả lại cho bị cáo Dương Chung T3 số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), theo Giấy nộp tiền mặt ngày 27/11/2023 vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ninh, người nộp Ngô Quốc T10.

Buộc bị cáo Văn Huy T phải trả lại số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) cho bị cáo Dương Chung T3 và vợ là chị Nguyễn Ngọc L.

1.2. Về án phí: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hoa